

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HS-ST
Ngày 09 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Học và ông Nông Xuân Kiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn S; tên gọi khác Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1997 tại xã C, huyện T, Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nông Văn B, sinh năm 1960 và bà Nông Thị Đ, sinh năm 1963; Vợ: Hứa Thị V, sinh năm 1999; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020 hiện đang ở với mẹ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

2. Nông Công G; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 6 năm 1996 tại xã C, huyện T, Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông Nông Công T, đã chết; Con bà Hoàng Thị B, sinh năm 1972; Vợ: Mạc Thị Y, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Đặc điểm nhân thân: Ngày 22/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện T, Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm về Tội cưỡng đoạt tài sản. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- **Bị hại:** Anh Nông Thế C, sinh năm 1982; trú tại tổ 5, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hứa Thị V, sinh năm 1999; trú tại xóm H, xã Đ, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

2. Chị Nông Thị T, sinh năm 1972; trú tại xóm P, xã C, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 31/3/2021, Nông Công G, sinh năm 1996, trú tại xóm Đ, xã C, huyện T đến nhà Nông Văn S, sinh năm 1997, trú tại xóm P, xã C, huyện T chơi. Sau đó giúp gia đình S thu ngô. Trên đường chở ngô về nhà, S nói “Sáng mai đi trộm chó không”, G trả lời “Đi thì đi”. Sau khi chở ngô về G ăn cơm nghỉ ngơi ở nhà S. Cả hai tìm đoạn cây và dây phanh về làm thông lọng câu trộm chó. Làm xong S tìm bao tải dứa và để bao tải cùng thông lọng lên xe mô tô rồi đi ngủ. Khoảng 04 giờ 00 ngày 01/4/2021, G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11K1-110.18, S ngồi sau cầm thông lọng đi lên thị trấn T. Khi đến đoạn đường thuộc Tổ 5, thị trấn T (cách trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện T khoảng 100m về hướng xã P) thấy con chó đen của anh Nông Thế C, sinh năm 1982, trú tại Tổ 5, thị trấn T chạy từ nhà ra đuổi theo. S bảo G đi xe chậm lại sau đó quăng dây thông lọng trúng hàm trên con chó rồi kéo con chó chạy theo phía sau đi đến ngã ba xã P. Sau đó rẽ vào đường ngõ thuộc Tổ 7, thị trấn T ra đến đoạn đường gần ngã ba Trung tâm Y tế huyện T thấy con chó thăm mệt. S bảo G dừng xe rồi nhấc con chó lên xe. G điều khiển xe mô tô đến đường rẽ vào bãi rác Khưa Gia Vả thuộc xóm B, thị trấn T thì dừng xe. Cả hai cho con chó vào bao tải dứa rồi cho con chó lên xe mô tô, còn thông lọng vút ở cạnh đường. Hai người đi xe mô tô theo đường liên xã đi xã P qua đường Hồ Bản Viêt về xã C. Đến đầu xóm P, xã C, huyện T, gặp Nông Thị T, sinh năm 1972, trú tại xóm P, xã C đang chở cháu đi học, S hỏi “cô ơi có lấy chó không”, T trả lời “Lấy, cứ về nhà trước đi, tý vào lấy”. Sau đó khoảng 01 giờ, T đến nhà S cân con chó được 35kg. T trả cho S 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). S nhận tiền rồi cùng G đi mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 15/4/2021, Cơ quan điều tra ra văn bản yêu cầu định giá tài sản. Tại kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị 01 con chó cái, màu lông đen, khối lượng 35kg tại thời điểm 01/4/2021 có giá trị 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn).

Cơ quan điều tra lấy lời khai Nông Thế C, Nông Thị T. Lời khai phù hợp với lời khai các bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ đối với Nông Văn S 01 xe mô tô Honda Future 125 biển kiểm soát 11K1-110.18; 01 đoạn cây tre dài 80cm, một đầu được buộc dây phanh tạo thành thòng lọng.

Qua điều tra xác định được xe mô tô biển kiểm soát 11K1-110.18 là của Hứa Thị V, sinh năm 1999, trú tại xóm H, xã Đ, huyện T. Khi các bị cáo dùng xe mô tô thực hiện hành vi phạm tội chị V không biết. Ngày 15/6/2021, Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cho chị V là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKSTK, ngày 15 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nông Văn S và Nông Công G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mục đích trộm cắp tài sản là để có tiền mua ma túy về sử dụng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại Nông Thế C trình bày: Sáng 01/4/2021 gia đình tôi bị mất trộm 01 con chó cái, màu lông đen nặng khoảng gần 40kg. Sau khi được cơ quan Công an thông báo, tôi biết được S và G là người lấy trộm. Tôi yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho tôi giá trị con chó theo giá của Hội đồng định giá là 2.625.000 đồng; về hình phạt: Đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hứa Thị V trình bày: Tôi là vợ của bị cáo S, là người có liên quan đến chiếc xe mô tô Honda Future 125 biển kiểm soát 11K1-110.18 mà Công an tạm giữ. Nay tôi đã được trả lại xe nên không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị T trình bày: Ngày 01/4/2021 tôi có được mua 01 con chó cái, có bộ lông màu đen, nặng 35kg (đã chết) với Nông Văn S và Nông Công G, tôi mua với giá 1.000.000 đồng. Khoảng một tuần sau thì tôi mới biết con chó tôi mua là do các bị cáo trộm cắp mà có. Tôi đã mua con chó đó về ăn coi như mua hàng nên số tiền đã mua chó 1.000.000 đồng tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại phần kết luận và tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Văn S, Nông Công G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo S. Xử phạt bị cáo Nông Văn S từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo G. Xử phạt bị cáo Nông Công G từ 09 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại theo giá của Hội đồng định giá là 2.625.000 đồng; bị hại không yêu cầu bồi thường số tiền các bị cáo đã bán chó và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt vấn đề cần xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng; Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời khai nhận của các bị cáo và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Buổi sáng ngày 01/4/2021, tại đoạn đường thuộc tổ 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, Nông Văn S và Nông Công G có hành vi trộm cắp 01 con chó cái, màu lông đen nặng 35kg có trị giá 2.625.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T) của anh Nông Thế C.

Quá trình điều tra và tại tòa, các bị cáo đều khai nhận mục đích trộm cắp tài sản là bán lấy tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Do vậy, bản Cáo trạng truy tố các bị cáo Nông Văn S, Nông Công G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định các bị cáo Nông Văn S, Nông Công G đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng do bản thân nghiện ma túy nên đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân các bị cáo nghiện ma túy; năm 2015, bị cáo Nông Công G đã bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội cưỡng đoạt tài sản (đã được xóa án tích) nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung. Trong vụ án này, bị cáo S là người khởi xướng, vai trò đầu vụ nên bị cáo S phải chịu mức phạt cao hơn bị cáo G.

Vụ án này còn có chị Nông Thị T là người mua chó với Nông Văn S và Nông Công G. Tuy nhiên, khi mua chị không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không xử lý đối với Thương là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Do đó, cả hai bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nông Văn S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nông Công G đã khai ra bị cáo S nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: Vật chứng của vụ án gồm 01 đoạn cây tre dài 80cm, một đầu được buộc dây phanh tạo thành thông lọng (*đây là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy*).

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá. Do vậy, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 2.625.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 1.312.500 đồng).

Tại phiên tòa, dù đã được giải thích nhưng bị hại anh Nông Thế C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị T không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt về tài sản của anh C và chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét truy thu số tiền trên.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo làm nghề trồng trọt không có thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Các bị cáo Nông Văn S, Nông Công G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn S. Xử phạt bị cáo Nông Văn S 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/5/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Công G. Xử phạt bị cáo Nông Công G 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/5/2021.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn cây tre dài 80cm, một đầu được buộc dây phanh tạo thành thông lọng.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận ngày 22/7/2021.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Nông Văn S, Nông Công G phải liên đới bồi thường cho anh Nông Thế C, sinh năm 1982; địa chỉ tổ 5, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng số tiền 2.625.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 1.312.500 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì người bị thi hành án phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nông Văn S, Nông Công G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Báo cho các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Công an huyện; các bị cáo;
- THADS huyện;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vì Khánh Dân